TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TIẾNG VIỆT – KHỐI 1
PHIẾU SỐ 38

Thời gian làm bài: 30 phút

I. ĐỌC – HIỂU

Ngôi nhà ấm áp

Nhà của bé ở cuối ngõ nhỏ. Trước nhà có mảnh vườn xanh mát. Bố trồng hoa hồng và cây khế. Mẹ nấu cơm thơm lừng dưới bếp. Bé yêu từng góc nhỏ của ngôi nhà thân thương.

Đọc bài «Ngôi nhà ấm áp» và khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Bài đọc trên có mấy câu?

A. 4 câu **B.** 6 câu **C.** 5 câu

Câu 2. Trước nhà bé có gì?

A. bãi cát trắng **B.** mảnh vườn xanh mát

C. ao cá lớn

Câu 3. Bố của bé trồng những cây gì?

A. hoa hồng và cây khế **B.** cây chuối và hoa sen

C. cây cam và hoa cúc

Câu 4. Tìm và viết tiếng trong bài «Ngôi nhà ấm áp» có vần ươc:

Tiếng có vần ươc: …….

II. BÀI TẬP

Bài 1. Nối ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để thành câu. Cách nối nào đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Chú mèo – nằm sưởi nắng bên hiên	
b) Nồi cơm – thơm lừng mùi gạo mới	
c) Bé Mai – xanh ngắt cỏ cây	
d) Mảnh vườn – chăm chỉ học bài	

Bài 2. Điền g hay gh vào chỗ chấm:

a) …..à con

b) …..ế tựa

c) …..ạo nếp

d) …..i nhớ

Bài 3. Điền vần oi hay ôi vào chỗ chấm:

a) đĩa x.….

b) chú v.….

c) đ.…. mắt

d) s.…. gương

Bài 4. Mỗi từ dưới đây có một tiếng viết sai chính tả. Em hãy viết lại từ cho đúng:

a) ghà mái → …….

b) ká vàng → …….

c) cẹo dẻo → …….

Bài 5. Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại: hoa cúc. / nhiều / Trước sân nhà / có

a) Viết lại câu: …….

Bài 6. Chọn từ trong ngoặc (đồng hồ, giá sách, bình hoa) điền vào chỗ chấm:

a) Bố cắm những bông hồng vào ……

b) Bé xếp từng cuốn truyện tranh lên ……

c) Chiếc ……. chạy tích tắc báo giờ đi ngủ.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Tiếng Việt lớp 1 · Phiếu số 38

I. Đọc – hiểu

Câu	1	2	3
Đáp án	C	B	A

Câu 4.
Trong bài chỉ có tiếng «trước» mang vần ươc.

II. Bài tập

Bài 1.
a) Đ; b) Đ; c) S; d) S

Bài 2.
a) gà con; b) ghế tựa; c) gạo nếp; d) ghi nhớ.
Nhớ: viết gh trước e, ê, i; viết g trước các chữ còn lại.

Bài 3.
a) đĩa xôi; b) chú voi; c) đôi mắt; d) soi gương.

Bài 4.
a) «ghà» sai, sửa thành «gà»: gà mái; b) «ká» sai, sửa thành «cá»: cá vàng; c) «cẹo» sai, sửa thành «kẹo»: kẹo dẻo.

Bài 5.
Câu đúng: Trước sân nhà có nhiều hoa cúc.

Bài 6.
a) Bố cắm những bông hồng vào bình hoa. b) Bé xếp từng cuốn truyện tranh lên giá sách. c) Chiếc đồng hồ chạy tích tắc báo giờ đi ngủ.